THÀNH ĐOÀN TP HỒ CHÍ MINH
BAN CÁN SỰ ĐOÀN ĐHQG-HCM
***

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ XÉT CHỌN

Danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh Năm 2016

1. Đối tượng bình chọn danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp ĐHQG-HCM

– Là sinh viên chính quy tập trung hiện đang học tập tại các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM.

2. Tiêu chuẩn bình chọn danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp ĐHQG-HCM

2.1 Tiêu chuẩn chung:

– Là đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh hoặc hội viên Hội Sinh viên Việt Nam hoặc sinh viên (đối với các đơn vị chưa có tổ chức Đoàn TN- Hội SV như PUF).

– Tích cực tham gia hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và nhà trường. Có kết quả xếp loại đoàn viên **xuất sắc** trong năm học xét;

– Nếu là đảng viên thì xếp loại "Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.

2.2 Tiêu chuẩn cụ thể: ***(tất cả minh chứng phải cụ thể)***

2.2.1 Đạo đức tốt: đạt các tiêu chuẩn sau:

– Có lòng yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

– Không vi phạm pháp luật và các quy chế, nội quy của trường, lớp, quy định của địa phương nơi cư trú và nơi công cộng;

– Điểm rèn luyện năm học từ **80** điểm trở lên (theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Đối với những trường hợp đặc thù không theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì điểm rèn luyện được tính quy đổi đạt loại Giỏi **(*bảng điểm rèn luyện năm học 2015-2016 có xác nhận*).** Đối với đơn vị đặc thù không có điểm rèn luyện thì phải có giấy xác nhận của nhà trường về việc không vi phạm đạo đức, nội quy quy chế nêu trên.

– Khuyến khích sinh viên tham gia và đạt giải các cuộc thi tìm hiểu về các môn khoa học Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh từ cấp trường trở lên. Khuyến khích là thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác các cấp hoặc là điển hình được biểu dương trong việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.2.2 Học tập tốt:

– ***Tiêu chuẩn bắt buộc:***

+ Đối với sinh viên hệ Đại học: Điểm trung bình học tập cả năm học từ **8,0/10** trở lên *(đối với các đơn vị tính điểm theo phương pháp học phần niên chế)* hoặc từ **3,4/4** trở lên *(đối với các đơn vị tính điểm theo phương pháp học chế tín chỉ)* hoặc quy đổi tương đương, không thi rớt hoặc nợ học phần trong năm học **(*bảng điểm trung bình năm học 2015-2016 có xác nhận*)**;

+ Đối với sinh viên hệ Cao đẳng: điểm trung bình chung học tập cả năm học đạt từ **7,5/10** trở lên *(đối với các đơn vị tính điểm theo phương pháp học phần niên chế)* hoặc từ **3,2/4** trở lên *(đối với các đơn vị tính điểm theo phương pháp học chế tín chỉ)* hoặc quy đổi tương đương, không thi rớt hoặc nợ học phần trong năm học **(*bảng điểm trung bình năm học 2015-2016 có xác nhận*)**;

- ***Tiêu chuẩn khác:*** đạt 01 (một) trong các tiêu chuẩn sau:

+ Có đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên trong năm học cấp Trường trở lên *(được tính khóa luận tốt nghiệp, không tính các seminar hoặc đồ án môn học);* hoặc có đề tài nghiên cứu trong năm học của các tổ chức khoa học, chính trị - xã hội của Trung ương, Thành phố;

+ Là thành viên đội tuyển tham gia các cuộc thi học thuật cấp quốc gia, quốc tế, hoặc các cuộc thi chuyên môn cấp toàn quốc do các hiệp hội ngành nghề, các trường đại học, học viện, các cơ quan thông tấn, báo chí , doanh nghiệp tổ chức;

+ Có sản phẩm, bài viết liên quan đến chuyên môn đào tạo được đăng tải trên các sản phẩm của các cơ quan truyền thông uy tín hoặc các báo, tạp chí khoa học chuyên ngành của trường hoặc có bài tham luận tham gia các hội thảo khoa học cấp trường trở lên;

+ Có sản phẩm được trưng bày, triển lãm hoặc ứng dụng vào đời sống trong các cuộc thi về sáng tạo, khoa học ứng dụng. Đạt giải ba trở lên các cuộc thi ý tưởng sáng tạo từ cấp trường trở lên.

+ Đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi học thuật cấp khoa trở lên (gắn liền với chuyên môn đào tạo và thuộc danh mục cuộc thi học thuật ĐHQG-HCM, trường hợp không nằm trong danh mục sẽ được Hội đồng xem xét riêng);

2.2.3 Thể lực tốt: đạt 01 (một) trong các tiêu chuẩn sau:

- Đạt danh hiệu **"Thanh niên khỏe"** trong năm học. Giấy chứng nhận cấp trước ngày 01/11/2015 *(theo tiêu chuẩn cụ thể theo Hướng dẫn liên tịch số 87/2006/HDLT-ĐTN-TDTT về tiêu chuẩn thi đua và rèn luyện thể dục thể thao của các cấp bộ Đoàn và đoàn viên thanh niên do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Ủy ban Thể dục – Thể thao ban hành);*

- Đạt giải khuyến khích trở lên trong hoạt động thể dục – thể thao từ cấp trường trở lên hoặc hiện đang là thành viên đội tuyển thể thao cấp trường;

- Tham gia tập luyện thường xuyên một môn thể thao tại các trung tâm thể dục – thể thao (*giấy chứng nhận của nơi tập luyện thời gian tối thiểu là 6 tháng, tính đến thời điểm xét danh hiệu*);

– *Đối với những sinh viên khuyết tật: Không áp dụng tiêu chuẩn Thể lực tốt.*

2.2.4 Tình nguyện tốt: đạt 01 (một) trong các tiêu chuẩn sau:

– Tham gia ít nhất 05 ngày tình nguyện/năm (được tính theo số ngày thực tế tham gia các hoạt động tình nguyện cộng dồn);

– Tham gia và nhận giấy chứng nhận hoàn thành một trong các chiến dịch, chương trình sau: chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh, chiến dịch Xuân tình nguyện, chương trình Tiếp sức mùa thi, chương trình Hỗ trợ Tân sinh viên tự tin đến trường;

– Được giấy khen cấp trường trở lên về hoạt động tình nguyện.

Lưu ý: tất cả các tiêu chuẩn trên phải có giấy chứng nhận; các hoạt động chỉ mang tính chất quyên góp, đóng góp hiện vật và hiện kim mà không tham gia trực tiếp sẽ không được tính là tham gia hoạt động tình nguyện.

2.2.5 Hội nhập tốt:

2.2.5.1 Về Kỹ năng: đạt 01 (một) trong các tiêu chuẩn sau:

– Tham gia và hoàn thành ít nhất 01 khóa huấn luyện kỹ năng (danh mục kỹ năng đính kèm);

– Đạt giải trong các cuộc thi về kỹ năng từ cấp trường trở lên;

– Là báo cáo viên các lớp kỹ năng từ cấp trường trở lên;

– Nhận giấy khen của Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên Trường trở lên khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên hoặc công tác Hội và phong trào sinh viên.

2.2.5.2 Về Ngoại ngữ

– ***Tiêu chuẩn bắt buộc:*** Đạt chứng chỉ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương trở lên (đối với sinh viên năm 1, 2), chứng chỉ B2 hoặc tương đương (đối với sinh viên các năm thứ 3,4,5,6). Đối với sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ, chứng chỉ ngoại ngữ được áp dụng đối với ngoại ngữ thứ 2 và áp dụng trình độ ngoại ngữ B1 cho tất cả các năm; Gồm các ngành: Ngữ văn Anh, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Tây Ban Nha, Ngữ văn Đức, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Ý *(bảng quy đổi ngoại ngữ theo thông tư số 05/2012/TT/BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

Lưu ý: Về chứng nhận ngoại ngữ: chấp nhận các chứng nhận, chứng chỉ ngoại ngữ do Trung tâm ngoại ngữ của trường, ĐHQG-HCM trong các đợt thi thử, thi xếp lớp, thi cuối khóa; các chứng chỉ của các trung tâm ngoại ngữ liên kết với Đoàn – Hội sinh viên trường. Các chứng chỉ ngoại ngữ trên có thời hạn 2 năm, được cấp từ 31/10/2014 đến 31/10/2016.

– ***Tiêu chuẩn khác:*** đạt 01 (một) trong các tiêu chuẩn sau:

+ Đạt giải các cuộc thi kiến thức ngoại ngữ (được hiểu là cuộc thi tìm hiểu ngoại ngữ hoặc cuộc thi sử dụng ngoại ngữ để trình bày, ví dụ: Olympic tiếng Anh không chuyên, cuộc thi tiếng Anh dành cho cán bộ Đoàn,…) từ cấp trường trở lên;

+ Là thành viên chính thức tham gia các chương trình giao lưu, hợp tác với thanh niên, sinh viên quốc tế trong và ngoài nước (VD: tham gia Diễn đàn văn hóa sinh viên các nước Đông Nam Á,…);

2.2.5.3 Về hoạt động hội nhập:

– Tham gia tích cực ít nhất 01 hoạt động về hội nhập do cấp trường trở lên tổ chức

Ngoài các tiêu chuẩn trên, ưu tiên xét chọn những sinh viên có các tiêu chuẩn sau:

– Tham gia các cuộc thi tìm hiểu truyền thống, văn hóa, lịch sử, xã hội và đạt giải cao.

– Là thanh niên tiêu biểu được biểu dương, khen thưởng trên các lĩnh vực tại địa phương, đơn vị hoặc được nêu gương trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

– Là cán bộ Đoàn – Hội có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động phong trào trong năm học tại đơn vị, được nhận khen thưởng các cấp.

– Là sinh viên trực tiếp tham gia đón tiếp các đoàn nước ngoài đến giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong một khoảng thời gian nhất định.

3. Tiêu chuẩn bình chọn danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" ĐHQG-HCM tiêu biểu

Ứng cử viên đạt chuẩn danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp thành phố năm trong năm đang xét;

Đối với một số trường hợp cán bộ Đoàn – Hội tiêu biểu, có thành tích hoạt động phong trào nổi trội, xuất sắc của các đơn vị nhưng không đủ chuẩn về NCKH để xét danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp thành phố, Hội đồng xem xét cụ thể từng trường hợp và biểu quyết.

BAN CÁN SỰ ĐOÀN ĐHQG-HCM

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN LIÊN TỊCH

Tiêu chuẩn thi đua và rèn luyện thể dục thể thao
của các cấp bộ Đoàn và đoàn viên thanh niên

(Số 87/2006/HDLT-ĐTN-TDTT ngày 24 tháng 11 năm 2006
của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Ủy ban Thể dục Thể thao)

(Trích)

———

II- TIÊU CHUẨN THI ĐUA RÈN LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA ĐOÀN VIÊN, THANH NIÊN

A. Đoàn viên, thanh niên Nữ từ 16 - 30 tuổi:

1. Nội dung kiểm tra gồm:

+ Chạy 100 m

+ Chạy 800 m

+ Bật xa tại chỗ hoặc nhảy xa (tùy chọn).

2. Tiêu chuẩn kiểm tra (theo bảng)

Nhóm tuổi	Phân loại	100 m *(giây)*	800 m *(phút, giây)*	Nhảy xa *(m)*	Bật xa *(m)*
16 - 24 tuổi	*Không đạt*	*> 19,0*	*> 5'00*	*< 2,75*	*< 1,6*
	Đạt	***19,0 - 17,5***	***5'00 - 4'00***	***2,75 - 3,15***	***1,60 - 1,80***
	Khá	**17,4 - 16,5**	**3'59 - 3'30**	**3,16 - 3,45**	**1,81 - 2,0**
	Giỏi	**< 16,5**	**< 3'30**	**> 3,45**	**> 2,0**
25 - 30 tuổi	*Không đạt*	*> 19,5*	*> 5'50*	*< 2,60*	*< 1,55*
	Đạt	***19,5 - 17,9***	***5'50 - 4'50***	***2,60 - 3,05***	***1,56 - 1,75***
	Khá	**17,8 - 17,0**	**4'49 - 4'20**	**3,06 - 3,30**	**1,76 - 1,90**
	Giỏi	**< 17**	**< 4'20**	**> 3,30**	**> 1,90**

3. Phân loại chung tiêu chuẩn rèn luyện

- Loại Đạt: Có 3/3 nội dung kiểm tra đạt yêu cầu.

- Loại Khá: Có 2/3 nội dung kiểm tra đạt loại khá trở lên và nội dung còn lại đạt yêu cầu.

- Loại Giỏi: Có 2/3 nội dung đạt loại giỏi trở lên và nội dung còn lại phải đạt loại khá trở lên.

(Từ loại đạt trở lên được xác nhân danh hiệu "Thanh niên khỏe").

B. Đoàn viên, thanh niên Nam từ 15 - 35 tuổi:

1. Nội dung kiểm tra

- Chạy 100 m.
- Chạy 1.500 m.
- Kéo tay xà đơn.
- Bật xa hoặc nhảy xa *(tùy chọn)*.

2. Tiêu chuẩn kiểm tra (theo bảng)

Nhóm tuổi	Phân loại	100 m *(giây)*	1.500 m *(phút)*	Nhảy xa *(m)*	Bật xa *(m)*	Co xà đơn *(lần)*
16 - 24 tuổi	*Không đạt*	*> 15,0*	*> 7'00*	*< 4,00*	*< 2,35*	*< 12*
	Đạt	***15,0 - 14,6***	***7'00 - 6'30***	***4,00 - 4,50***	***2,35 - 2,55***	***12 – 17***
	Khá	**14,5 - 14,0**	**6'29 - 6'00**	**4,51 - 5,00**	**2,56 - 2,65**	**18 – 22**
	Giỏi	**< 14,0**	**< 6'00**	**> 5,00**	**> 2,56**	**> 23**
25 - 30 tuổi	*Không đạt*	*> 15,5*	*> 7'30*	*< 3,80*	*< 2,25*	*< 10*
	Đạt	***15,5 - 15,0***	***7'30 - 7'00***	***3,80 - 4,30***	***2,25 - 2,45***	***10- 14***
	Khá	**14,9 - 14,5**	**6'59 - 6'30**	**4,31 - 4,80**	**2,46 - 2,60**	**15 – 20**
	Giỏi	**< 14,5**	**< 6'30**	**> 4,80**	**> 2,60**	**> 20**
31 - 35 tuổi	*Không đạt*	*> 16,5*	*> 7'50*	*< 3,50*	*< 2,10*	*< 8*
	Đạt	***16,5 - 16,0***	***7'50 - 7'00***	***3,50 - 4,0***	***2,10 - 2,30***	***8 – 12***
	Khá	**15,9 - 15,0**	**6'59 - 6'20**	**4,01 - 4,50**	**2,31 - 2,50**	**13 – 17**
	Giỏi	**< 15**	**< 6'20**	**> 4,50**	**> 2,50**	**> 17**

3. Phân loại chung tiêu chuẩn rèn luyện:

- Loại Đạt: Có 4/4 nội dung kiểm tra đạt chỉ tiêu quy định.
- Loại Khá: Có 3/4 nội dung kiểm tra đạt loại khá trở lên, nội dung còn lại đạt yêu cầu
- Loại Giỏi: Có 2/4 nội dung đạt loại giỏi trở lên và có 2 nội dung còn lại đạt loại khá trở lên.

(Từ đạt trở lên được xác nhân danh hiệu "Thanh niên khỏe")

PHỤ LỤC 2 (1)

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU

(Kèm theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
B2	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	**tiếng Nga**	**tiếng Pháp**	**tiếng Đức**	**tiếng Trung**	**tiếng Nhật**
B1	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	TRKI 2	DELF B2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

PHỤ LỤC 2 (2)

Bảng quy đổi điểm chứng chỉ VNU-EPT
đối với các bài kiểm tra tiếng Anh quốc tế (4 kỹ năng)

Cấp độ	CEFR (1)	VNU-EPT (2)	IELTS (3)	TOEFL iBT (4)	TOEIC (Nghe+Đọc) (5)	TOEIC (Nói+Viết) (5)
VNU-ETP 14	C2 (2)	376-400	8.5 - 9.0	118 – 120		
VNU-ETP 13	C2 (1)	351-375	8.0 - 8.5	115 – 117		
VNU-ETP 12	C1 (2)	326-350	7.0 - 8.0	102 – 114	886 – 945	351 – 400
VNU-ETP 11	C1 (1)	301-325	6.5 - 7.0	94 – 101	786 – 885	311 – 350
VNU-ETP 10	B2 (2)	276-300	6.0 - 6.5	79 – 93	671 – 785	271– 310
VNU-ETP 9	**B2 (1)**	**251-275**	**5.5 - 6.0**	**60 – 78**	**551 – 670**	**241 – 270**
VNU-ETP 8	B1 (4)	226-250	5.0 - 5.5	46 – 59	476 – 550	221– 240
VNU-ETP 7	**B1 (3)**	**201-225**	**4.5 - 5.0**	**35 – 45**	**401 – 475**	**201 – 220**
VNU-ETP 6	B1 (2)	176-200	4.0 - 4.5	32 – 34	316 – 400	181 – 200
VNU-ETP 5	B1 (1)	151-175	4.0	– 31	226 –315	161 –180
VNU-ETP 4	A2 (2)	126-150			171 – 225	121 – 160
VNU-ETP 3	A2 (1)	101-125			121 – 170	81 – 120
VNU-ETP 2	A1 (2)	76-100			– 120	– 80
VNU-ETP 1	A1 (1)	0-75				

(1) CEFR: Common European Framework of Reference
(2) VNU-EPT: Chứng chỉ tiếng Anh ĐHQG-HCM.
(3) IELTS: International English Language Testing System
(4) TOEFL iBT: Test of English as a Foreign Language, Internet-Based Test
(5) TOEIC: Test of English for International Communication

Tiêu chí Hội nhập tốt của Danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp ĐHQG-HCM năm 2016 xét chọn ngoại ngữ:

- Chuẩn B1 theo *thông tư 05 /2012/TT- BGDĐT* của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương VNU-EPT 7 – B1 (3) trở lên;
- Chuẩn B2 theo *thông tư 05 /2012/TT- BGDĐT* của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương VNU-EPT 9 – B2 (1) trở lên.

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC KỸ NĂNG THỰC HÀNH XÃ HỘI

Kỹ năng thực hành xã hội là những kỹ năng cần thiết, là hành trang của mỗi người trước những thách thức của cuộc sống và những đòi hỏi mới của công cuộc hội nhập. Kỹ năng thực hành xã hội giúp cá nhân có thể phân tích, xử lý các tình huống khó khăn, có phương thức tiếp cận và thích ứng với các vấn đề xã hội mới nảy sinh, tạo dựng bản lĩnh sống vững vàng, hoàn thiện và khẳng định bản thân. Trên cơ sở đó, Danh hiệu Sinh viên 5 tốt ĐHQG-HCM năm 2016 xét dựa trên danh mục các kỹ năng thực hành xã hội sau đây (*):

1. Kỹ năng phỏng vấn, xin việc
2. Kỹ năng giải quyết vấn đề
3. Kỹ năng làm việc nhóm
4. Kỹ năng thuyết trình
5. Kỹ năng quản lý thời gian
6. Kỹ năng tư duy tích cực
7. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả
8. Kỹ năng hòa nhập
9. Kỹ năng lãnh đạo
10. Kỹ năng từ chối một cách khéo léo
11. Kỹ năng quản lý tài chính
12. Kỹ năng lắng nghe người khác
13. Kỹ năng đồng cảm, chia sẻ và thể hiện cảm xúc
14. Kỹ năng giải quyết xung đột, mẫu thuẫn
15. Kỹ năng lọc lấy thông tin cần thiết và loại bỏ thông tin rác
16. Kỹ năng làm việc độc lập
17. Kỹ năng nói chuyện trước công chúng
18. Kỹ năng tư duy phản biện
19. Kỹ năng thiết lập mục tiêu
20. Kỹ năng ghi nhớ
21. Kỹ năng đọc sách
22. Kỹ năng làm chủ cảm xúc bản thân
23. Kỹ năng xây dựng, duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội

Các trường hợp kỹ năng không thuộc danh mục nêu trên sẽ được Hội đồng xét chọn Danh hiệu Sinh viên 5 tốt ĐHQG-HCM năm 2016 xem xét riêng.

(*) Tham khảo từ chương trình đào tạo kỹ năng của Trung tâm hỗ trợ Học sinh-Sinh viên TP.HCM và các đơn vị đào tạo uy tín khác.